

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/DS-ST**

Ngày: 13-01-2023

V/v: Tranh chấp kiện đòi nợ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh.
2. Ông Trần Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 13/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2022/TLST- DS ngày 14/11/2022 về việc: “Tranh chấp kiện đòi nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-DS ngày 28/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại N Motor.

Địa chỉ: Xóm I, xã D, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân H, chức vụ: Giám đốc.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Cao Thị A, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Dung Sự và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Đường S, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn C, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà A, ông C và bà M, vắng mặt ông H. Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2022, bản tự khai ngày 21/11/2022, biên bản hòa giải ngày 09/12/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại N Motor và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 28/8/2020, Công ty TNHH Thương mại N Motor (sau đây viết tắt là Công ty N Motor) đã ký hợp đồng kinh tế số 09/HDDMB về việc mua bán hàng hóa là phụ tùng ô tô các loại được nhập khẩu từ Trung Quốc với Gara ô tô CH đại diện là ông Lê Văn C và bà Phạm Thị M.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty N Motor đã nhiều lần bán hàng cho ông C và bà M. Ông C, bà M cũng đã thanh toán một phần tiền hàng cho Công ty. Sau đó, do ông C và bà M còn nợ lại nhiều tiền, nên Công ty không tiếp tục giao hàng cho ông C và bà M.

Ngày 06/01/2021, hai bên đã đối chiếu chốt nợ, ông C và bà M nợ Công ty N Motor số tiền là 335.000.000 đồng. Ông C và bà M đã hẹn trả nợ chia thành 7 kỳ như sau: Ngày 01/02/2021 trả 35.000.000 đồng; Ngày 01/03/2021 trả 50.000.000 đồng; Ngày 01/04/2021 trả 50.000.000 đồng; Ngày 01/05/2021 trả 50.000.000 đồng; Ngày 01/06/2021 trả 50.000.000 đồng; Ngày 01/07/2021 trả 50.000.000 đồng và Ngày 01/08/2021 trả 50.000.000 đồng.

Sau đó, ông C và bà M không trả nợ như đã hẹn, mà chỉ trả nợ nhỏ giọt theo hình thức chuyển khoản 13 lần, trả được tổng số tiền là 125.778.000 đồng. Ngoài ra, ngày 30/11/2021, ông C và bà M đã thỏa thuận trả lại hàng cho Công ty, được trừ nợ số tiền là 76.032.000 đồng. Ông C và bà M còn nợ số tiền là 133.190.000 đồng.

Công ty N Motor khởi kiện yêu cầu ông C và bà phải trả nợ gồm: Nợ gốc là 133.190.000 đồng. Lãi chậm trả từ ngày 06/01/2021 đến ngày 06/11/2022 theo lãi suất 1%/tháng là 29.301.800 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 162.491.800 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, tám trăm đồng*). Yêu cầu ông C và bà M tiếp tục phải trả tiền lãi cho đến khi trả hết nợ.

Nguyên đơn không chấp nhận cho bị đơn trả nợ dần, không chấp nhận để ông C nhận trách nhiệm trả nợ, vì ông C và bà M đã ly hôn nhưng chưa có văn bản thỏa thuận về chia tài sản và chia nợ chung có giá trị pháp lý. Để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu ông C và bà M cùng có trách nhiệm trả nợ.

- *Tại bản tự khai ngày 18/11/2022, biên bản hòa giải ngày 09/12/2022, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Văn C trình bày:*

Ông và bà M kết hôn năm 2010. Quá trình chung sống vợ chồng ông có mở cửa hàng kinh doanh sửa chữa, buôn bán phụ tùng ô tô, tên cửa hàng là Gara ô tô CH, hình thức pháp lý là Hộ kinh doanh cá thể. Ngày 28/8/2020, tại Trụ sở Công ty N Motor, ông và bà M đã ký hợp đồng kinh tế số 09/HDDMB về việc mua bán hàng hóa là phụ tùng ô tô với Công ty N Motor.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty N Motor đã nhiều lần chuyển phụ tùng ô tô cho Gara ô tô CH. Ông và bà M đã thanh toán cho Công ty N Motor được số tiền

460.000.000 đồng. Sau đó, Công ty N Motor vẫn tiếp tục chuyển phụ tùng, nhưng Gara CH không bán được hàng do thị trường hẹp. Công ty N Motor liên tục gọi điện đòi tiền hàng. Ông yêu cầu Công ty N Motor ra mang hàng về, do không bán được hàng.

Ngày 06/01/2021, hai bên đã đối chiếu chốt nợ, ông và bà M còn nợ Công ty N Motor số tiền là 335.000.000 đồng. Ông đã viết giấy hẹn trả nợ thành 07 kỳ, trả hết vào ngày 01/8/2021. Tuy nhiên, sau đó gia đình ông làm ăn khó khăn, nên đã không trả hết nợ như đã hẹn. Ông và bà M đã chuyển khoản trả nợ cho Công ty 13 lần, tổng số tiền là 125.778.000 đồng. Ngoài ra, ngày 30/11/2022, ông và bà M đã trả lại 01 đơn hàng, được trừ nợ số tiền là 76.032.000 đồng. Ông thừa nhận hiện tại ông và bà M còn nợ Công ty N Motor số tiền là 133.190.000 đồng.

Nay, Công ty N Motor khởi kiện đòi nợ quan điểm của ông như sau: Khi mua hàng, nhận nợ thì ông và bà M cùng nợ, là nợ chung của vợ chồng. Sau đó ông và bà M đã ly hôn vào ngày 22/9/2022. Khi ly hôn ông và bà M thỏa thuận toàn bộ tài sản thì ông được sở hữu, còn toàn bộ số nợ chung của vợ chồng thì ông là người có trách nhiệm trả. Vì vậy, ông xin nhận trả toàn bộ số nợ cho Công ty N Motor, bà M không phải trả. Hiện tại kinh tế của gia đình ông rất khó khăn, nợ ngân hàng rất nhiều, nên ông xin được trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Về yêu cầu trả lãi: Công ty yêu cầu trả lãi từ ngày 06/01/2021 là không đúng, ông chỉ chấp nhận tính lãi từ ngày cuối cùng trả nợ là 28/8/2022. Về mức lãi suất yêu cầu 1%/tháng là cao hơn lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp. Ông xin được miễn toàn bộ tiền lãi vì không có điều kiện trả lãi.

- Tại bản tự khai ngày 01/12/2022, biên bản hòa giải ngày 09/12/2022, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Phạm Thị M trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông C về quá trình giao dịch mua bán phụ tùng ô tô với Công ty N Motor. Bà thừa nhận hiện tại bà và ông C còn nợ Công ty N Motor số tiền là 133.190.000 đồng. Bà xác định số nợ 133.190.000 đồng là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên bà và ông C đã ly hôn vào ngày 22/9/2022. Khi ly hôn bà và ông C thỏa thuận ông C được sở hữu toàn bộ tài sản và có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, ông C sẽ là người có trách nhiệm trả nợ cho Công ty N Motor. Bà đề nghị Tòa án cho ông C được trả nợ dần. Về yêu cầu tiền lãi: Công ty yêu cầu trả lãi từ ngày 06/01/2021 là không đúng, bà chỉ chấp nhận tính lãi từ ngày cuối cùng trả nợ là 28/8/2022. Về mức lãi suất yêu cầu 1%/tháng là cao hơn lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp. Bà xin được miễn toàn bộ tiền lãi.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã nộp cho Tòa án 01 Đơn xin rút một phần lãi suất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 12/01/2023. Nội dung Đơn là nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/02/2021, theo lãi suất là 8,5%/năm, tổng lãi là 21.811.639 đồng; nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền lãi là 7.490.161 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 133.190.000 đồng, lãi là 21.811.639 đồng, tổng gốc và lãi là 155.001.639 đồng. Nguyên đơn không chấp nhận miễn lãi, không chấp nhận trả nợ dần và không chấp nhận mình ông C trả nợ.

Bị đơn là ông C và bà M thừa nhận nợ Công ty N Motor số tiền nợ gốc là 133.190.000 đồng. Ông C và bà M đề nghị mình ông C có trách nhiệm trả nợ và xin được trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng Về tiền lãi, ông C và bà M chấp nhận mức lãi suất 8,5%/năm và tính lãi từ ngày 01/02/2021. Tuy nhiên, ông C và bà M xin được miễn toàn bộ tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án tranh chấp kiện đòi nợ là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Ông Phạm Xuân H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Xét yêu cầu trả nợ gốc:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Lê Văn C và bà Phạm Thị M trả số tiền nợ mua hàng hóa là 133.190.000 đồng. Nguyên đơn đã xuất trình chứng cứ chứng minh là Giấy chốt nợ ngày 06/01/2022 có chữ ký của ông C, bà M, Hợp đồng kinh tế ngày 28/8/2020 có chữ ký của ông C, bà M, các chứng từ nhận tiền trả nợ qua tài khoản ngân hàng, bảng kê trả lại hàng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông C và bà M thừa nhận: Gara ô tô CH (chủ gara là ông C và bà M) đã ký hợp đồng mua phụ tùng ô tô của Công ty N Motor vào ngày 28/8/2020. Hai bên đã thực hiện việc bán hàng, thanh toán tiền hàng nhiều lần. Ngày 06/01/2021, hai bên đã đối chiếu chốt nợ, ông C và bà M còn nợ Công ty N Motor số tiền là 335.000.000 đồng. Đến nay, ông C và bà M đã trả được số tiền là 125.778.000 đồng và được trừ nợ số tiền trả lại hàng là 76.032.000 đồng. Ông C và bà M thừa nhận còn nợ Công ty N Motor số tiền là 133.190.000 đồng. Vì vậy, Công ty N Motor khởi kiện yêu cầu ông C và bà M trả số tiền nợ gốc 133.190.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Gara ô tô CH hoạt động dưới hình thức là hộ kinh doanh cá thể tên gọi là Hộ kinh doanh Lê Văn C, chủ hộ kinh doanh là ông Lê Văn C. Theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Dân sự và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân. Xét hợp đồng kinh tế ngày 28/8/2020 thì thấy chủ thể ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công

ty N Motor là ông Lê Văn C và bà Phạm Thị M, chứ không phải là hộ kinh doanh Lê Văn C. Vì vậy, ông C và bà M có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty N Motor.

Xét ý kiến của ông C và bà M thỏa thuận ông C nhận trách nhiệm trả nợ, thấy rằng: Tại thời điểm ký hợp đồng mua bán và chốt nợ, ông C và bà M đang là vợ chồng, cùng ký hợp đồng, nên xác định khoản nợ với Công ty N Motor là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ông C và bà M đã có quyết định ly hôn vào tháng 9/2022. Khi ly hôn, ông C và bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia công nợ chung, cũng không có văn bản thỏa thuận phân chia công nợ chung. Phía nguyên đơn không chấp nhận ông C đứng ra trả nợ. Vì vậy, buộc ông C và bà M có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Công ty N Motor.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn, buộc ông C và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 133.190.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu trả tiền lãi:

Công ty N Motor yêu cầu ông C và bà M phải trả tiền lãi chậm trả từ ngày 01/02/2021 đối với số tiền nợ gốc là 133.190.000 đồng, theo lãi suất 8,5%/năm. Ông C và bà M chấp nhận mức lãi suất 8,5%/năm và tính lãi từ ngày 01/02/2021.

Xét thấy: Ngày 06/01/2021 hai bên chốt nợ không có thỏa thuận gì về lãi. Vì vậy, việc tính lãi căn cứ vào hợp đồng kinh tế ngày 28/8/2020. Trong Hợp đồng kinh tế, hai bên có thỏa thuận nếu ông C và bà M quá hạn thanh toán thì phải chịu tiền lãi tính theo mức lãi suất cho vay có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Nghệ An tại thời điểm chậm thanh toán. Theo Giấy xác nhận ngày 15/12/2022 của Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Nghệ An chi nhánh huyện Diễn Châu, thì lãi suất cho vay năm 2021 là 8,5%/năm. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 8,5%/năm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về thời điểm bắt đầu tính lãi: Trong Hợp đồng kinh tế ngày 28/8/2020, hai bên có thỏa thuận ông C và bà M phải thanh toán tiền nợ gốc đầu cho Công ty N Motor trước ngày 20 tháng 12 âm lịch hàng năm. Căn cứ thỏa thuận này, thì ông C và bà M phải trả nợ trước ngày 20 tháng 12 âm lịch của năm 2020, tức là trước ngày 01/02/2021. Xác định ông C và bà M quá hạn thanh toán từ ngày 01/02/2021. Nguyên đơn yêu cầu ông C và bà M trả lãi từ ngày 01/02/2021 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Số tiền lãi từ ngày 01/02/2021 đến ngày mở phiên tòa (13/01/2023) được tính như sau:

$$133.190.000 \text{ đồng} \times 712 \text{ ngày} \times 8,5\%/\text{năm} = 22.084.000 \text{ đồng.}$$

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, ông C và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 22.084.000 đồng. Bị đơn xin miễn lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên không được chấp nhận.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu tiền lãi đối với số tiền 7.490.161 đồng, nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[5] Về phân chia nghĩa vụ trả nợ:

Ông C và bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty N Motor tổng số tiền nợ gốc và lãi là 155.274.000 đồng. Do ông C và bà M đã ly hôn, nên số nợ được chia đôi, mỗi người có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 77.637.000 đồng.

[6] Xét ý kiến của bị đơn xin được trả nợ dần:

Bị đơn xin trả nợ dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Nguyên đơn không chấp nhận cho bị đơn trả nợ dần, yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận cho bị đơn trả nợ dần.

[7] Về án phí:

Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông C và bà M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông C và bà M mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $77.637.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.882.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu tiền lãi số tiền 7.490.161 đồng nguyên đơn đã rút nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 357, Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Văn C và bà Phạm Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH Thương mại N Motor tổng số tiền nợ gốc và lãi là 155.274.000 đồng (*Một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng*), trong đó: Nợ gốc là 133.190.000 đồng và nợ lãi là 22.084.000 đồng.

Chia theo phần: Ông Lê Văn C có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Thương mại N Motor số tiền 77.637.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng*). Bà Phạm Thị M có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Thương mại N Motor số tiền 77.637.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông C và bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 8,5%/năm.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu tiền lãi đối với số tiền 7.490.161 đồng.

3. Về án phí:

Ông Lê Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.882.000 đồng (*Ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Bà Phạm Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.882.000 đồng (*Ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Trả lại cho Công ty TNHH Thương mại N Motor số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.062.000 đồng (*Bốn triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng*), theo biên lai thu số AA/2021/0003663 ngày 10/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Dung